

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 27/2020/HNGĐ-ST

Ngày 09/10/2020

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kìa;

2. Bà Bé Thị Bay.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/9/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Mỹ H, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn CĐ, xã TA, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Võ Văn T, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn CĐ, xã TA, thị xã A, tỉnh Gia Lai. vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị Mỹ H trình bày: Chị H và anh Võ Văn T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng không có đăng ký kết hôn khoảng từ năm 2014, đến ngày 19/4/2016 chị và anh T mới tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã TA, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Trong quá trình chung sống vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2019 mâu thuẫn trở nên trầm trọng, vợ chồng chị thường xuyên cãi nhau, thậm chí anh T nhiều lần đánh chị. Chị và anh T đã không còn chung sống với nhau từ tháng 6 năm 2020 đến nay, hiện nay tình cảm giữa chị và anh T đã không còn nữa, do vậy chị H yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Xin được ly hôn với anh Võ Văn T.

Về con chung: Chị và anh T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai tại bản khai ngày 21 tháng 7 năm 2020 của anh Võ Văn T thể hiện: Anh và chị H kết hôn có đăng ký kết hôn như chị H trình bày. Trong thời gian chung sống vợ chồng anh và chị H cũng không có mâu thuẫn gì lớn. Do vậy anh T không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H.

Về con chung: Anh và chị H chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn nhiều lần không có mặt theo triệu tập của Tòa án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Mỹ H. Chấp nhận cho chị Phạm Thị Mỹ H ly hôn với anh Võ Văn T. Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Phạm Thị Mỹ H yêu cầu ly hôn với anh Võ Văn T; địa chỉ: Thôn CĐ, xã TA, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án về “Ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

[2] Bị đơn anh Võ Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Võ Văn T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Mỹ H và anh Võ Văn T chung sống với nhau như vợ chồng không có đăng ký kết hôn từ năm 2014 đến ngày 19/4/2016 mới đăng ký kết hôn, nên theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T được xác lập hợp pháp từ ngày 19/4/2016. Trong quá trình chung sống chị H và anh T có phát sinh mâu thuẫn nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T. Theo kết quả xác minh cha đẻ của anh T và mẹ đẻ của chị H thì vợ chồng anh T, chị H trong quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn và đã không còn chung sống với nhau từ tháng 6/2020. Anh T tuy không đồng ý ly hôn nhưng đã không cố gắng gỡ bỏ mâu thuẫn để tiếp tục chung sống cùng nhau. Nhiều lần Tòa án thông báo các đương sự đến Tòa án để hòa giải nhưng anh T không đến. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Mỹ H và anh Võ Văn T.

[4] Về việc nuôi con: Chị H và anh T không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn chị Phạm Thị Mỹ H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, bị đơn anh Võ Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Mỹ H cụ thể như sau:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận chị Phạm Thị Mỹ H ly hôn với anh Võ Văn T.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị Mỹ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004406 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Võ Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 09/10/2020. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- UBND xã TA (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Bích Thảo